

TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. HẢI CHÂU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/KDTM-ST

Ngày: 29.9.2020

“Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Xoa

2. Ông Huỳnh Trung Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 30/2020/TLST-KDTM ngày 16 tháng 6 năm 2020 về việc *“Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXXST-KDTM ngày 10/9/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Công ty TNHH N**; Địa chỉ: 199A T, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Thanh S – Chủ tịch HĐQT. Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn B**, (giấy ủy quyền số 174/NL-GUQ ngày 06.5.2020). Có mặt.

- *Bị đơn:* **Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý nhà A**. Địa chỉ: Lô A2-1 N, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tuấn B – Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Bùi Ngọc C** – chức vụ: Phó giám đốc thường trực tại dự án “Khu nghỉ dưỡng huyền thoại Đ”, (có mặt) và ông **Nguyễn Ngọc V** – chức vụ: chỉ huy trưởng, (vắng mặt) và ông **Nguyễn Đức H** – chức vụ: Kỹ thuật giám sát thi công, (vắng mặt), (giấy ủy quyền số 221/GUQ/2020 ngày 20.7.2020).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:* Ngày 14/6/2016, Công ty TNHH N và Công ty cổ phần xây dựng và quản lý nhà A có ký kết hợp đồng thi công số 38/2016/HĐTC về việc thi công kê cung cấp và đóng cọc cừ ván SW400B, tường chắn công trình khu nghỉ dưỡng huyền thoại Đ tại thị trấn L, Thừa Thiên Huế. Công ty TNHH N đã triển

khai thi công, hoàn thành công trình và đã tiến hành nghiệm thu. Ngày 30.8.2017, hai bên đã lập biên bản quyết toán thanh lý hợp đồng với giá trị đã thực hiện là 6.427.164 đồng và số tiền còn lại phải thanh toán là 1.343.152.955 đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay, Công ty cổ phần xây dựng và quản lý nhà A mới chỉ thanh toán cho công ty TNHH N số tiền là 650.000.000 đồng và không chịu thanh toán hết số tiền còn lại mặc dù Công ty TNHH N đã nhiều lần gửi công văn nhắc nhở nhưng vẫn không thấy phản hồi.

Công ty TNHH N yêu cầu buộc Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý nhà A phải thanh toán cho Công ty TNHH N số tiền nợ là: 693.152.955 đồng (sáu trăm chín mươi ba triệu, một trăm năm mươi hai nghìn, chín trăm năm lăm đồng) và tiền lãi do chậm trả theo mức lãi vay 8,5%/năm trên số tiền chậm thanh toán (693.152.955 đồng), thời gian từ tháng 01/2018 đến hết tháng 04/2020, tương đương số tiền là 137.475.336 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn yêu cầu Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý nhà A phải thanh toán cho Công ty TNHH N số tiền là 693.152.955 đồng. Đối với tiền lãi, Công ty TNHH N không yêu cầu giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:* Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý nhà A xác nhận có ký hợp đồng thi công số 38/2016/HĐTC với Công ty TNHH N như phần trình bày của nguyên đơn. Đại diện bị đơn xác nhận hai bên đã tiến hành nghiệm thu, ký vào biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng ngày 30.8.2017, xác nhận tổng giá trị quyết toán là 6.427.164.700 đồng, giá trị còn lại theo biên bản quyết toán ngày 30.8.2017 Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý nhà A phải thanh toán là 1.343.152.955 đồng. Thống nhất với nguyên đơn tính đến thời điểm hiện nay, Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý nhà A xác nhận còn nợ Công ty TNHH N số tiền gốc là: 693.152.955 đồng.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền lãi do chậm trả theo mức lãi vay 8,5%/năm (mức lãi vay thực tế thể hiện tại khế ước mà Công ty N đã vay) trên số tiền chậm thanh toán 693.152.955 đồng, thời gian từ tháng 01/2018 đến hết tháng 04/2020, tương đương số tiền là 137.475.336 đồng, Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý nhà A không thống nhất. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn không yêu cầu tính lãi, đại diện bị đơn không có ý kiến gì.

Công ty cổ phần xây dựng và quản lý nhà A cho rằng về thực tế tại công trường Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý nhà A nhận thấy về hạng mục kè K3 Công ty TNHH N thi công chưa đúng với hồ sơ thiết kế, theo hợp đồng cọc dài 9m nhưng khi triển khai có nhiều vị trí không đạt kích thước chiều dài là 9m nên chưa thanh toán tiền còn lại. Đề nghị Công ty TNHH N cử đại diện ra dự án cùng phối hợp với Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý nhà A và ban quản lý dự án kiểm tra lại các vị trí cọc, tuy nhiên Công ty cổ phần xây dựng và quản lý nhà A không có yêu cầu phản tố.

Tài liệu chứng cứ của vụ án gồm: Bản sao Hợp đồng thi công số 38/2016/HĐTC; Bản sao biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng ngày 30/8/2017;

Giấy ủy quyền; Bản sao Bản quyết toán giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng; Văn bản đề nghị thanh toán ngày 04/4/2019 và ngày 04/12/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về các vấn đề của vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa hai Công ty với nhau và đều vì mục đích lợi nhuận, trụ sở của bị đơn đóng tại quận Hải Châu. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Hải Châu thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền;

[2] Về nội dung vụ án, căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung trình bày của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa thể hiện: Vào ngày 14/6/2016, Công ty TNHH N và Công ty cổ phần xây dựng và quản lý nhà A có ký với nhau hợp đồng kinh tế số 38/2016/HĐTC về việc thi công kê cung cấp và đóng cọc cừ ván SW400B, tường chắn công trình khu nghỉ dưỡng huyền thoại Đ tại thị trấn L, Thừa Thiên Huế. Tại biên bản quyết toán và thanh lý Hợp đồng ngày 30/8/2017, các bên xác định giá trị hợp đồng đã ký là 6.897.000.000 đồng, giá trị quyết toán hợp đồng 6.427.164.700 đồng, Công ty cổ phần xây dựng và quản lý nhà A đã chuyển 5.084.011.745 đồng, giá trị còn lại Công ty cổ phần xây dựng và quản lý nhà A phải trả cho Công ty TNHH N là 1.343.152.955 đồng. Ngày 02/01/2018, Công ty cổ phần xây dựng và quản lý nhà A đã thanh toán cho Công ty TNHH N số tiền 650.000.000 đồng. Công ty cổ phần xây dựng và quản lý nhà A xác nhận còn nợ Công ty TNHH N số tiền 693.152.955 đồng (sáu trăm chín mươi ba triệu, một trăm năm mươi hai nghìn, chín trăm năm lăm đồng).

Nay Công ty TNHH N yêu cầu Công ty cổ phần xây dựng và quản lý nhà A thanh toán số tiền còn nợ là 693.152.955 đồng (sáu trăm chín mươi ba triệu, một trăm năm mươi hai nghìn, chín trăm năm lăm đồng). Vì vậy căn cứ Điều 144 Luật xây dựng, Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015, Công ty TNHH N khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần xây dựng và quản lý nhà A thanh toán số tiền còn nợ 693.152.955 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận buộc Công ty cổ phần xây dựng và quản lý nhà A phải có trách nhiệm thanh toán số tiền này.

[3] Đối với yêu cầu tiền lãi: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty cổ phần xây dựng và quản lý nhà A chưa thanh toán cho Công ty TNHH N số tiền còn nợ là do thực tế tại công trường Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý nhà A nhận thấy về hạng mục kê K3 Công ty

TNHH N thi công chưa đúng với hồ sơ thiết kế, theo hợp đồng cọc dài 9m nhưng khi triển khai có nhiều vị trí không đạt kích thước chiều dài là 9m. Tháng 12/2018, Công ty cổ phần xây dựng và quản lý nhà A có làm công văn đề nghị Công ty TNHH N cử đại diện ra dự án cùng phối hợp với Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý nhà A và ban quản lý dự án kiểm tra lại các vị trí cọc, chất lượng công trình. Tuy nhiên, Công ty cổ phần xây dựng và quản lý nhà A không có yêu cầu phản tố và không làm thủ tục yêu cầu phản tố theo quy định tại Điều 200 và Điều 202 Bộ luật tố tụng dân sự nên không xem xét giải quyết vấn đề này. Nếu sau này có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là 31.726.000 đồng; Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại đã nộp là 18.459.000 đồng theo biên lai thu số 0009185 ngày 16/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu.

[6] Về quyền kháng cáo: Quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn được thực hiện theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 278; Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 270; Điều 271; Điều 144 Luật xây dựng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH N đối với Công ty cổ phần xây dựng và quản lý nhà A.

*** Xử:**

1. Buộc Công ty cổ phần xây dựng và quản lý nhà A phải trả cho Công ty TNHH N số tiền 693.152.955 đồng (sáu trăm chín mươi ba triệu, một trăm năm mươi hai nghìn, chín trăm năm mươi lăm đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Công ty cổ phần xây dựng và quản lý nhà A phải chịu 31.726.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Công ty TNHH N không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH N số tiền tạm ứng

án phí kinh doanh thương mại đã nộp là 18.459.000 đồng theo biên lai thu số 0009185 ngày 16/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, báo cho nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Hải Châu;
- Dương sự;
- Chi cục THA DS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phương Thảo